

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13-6-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Văn Hoàng

Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn C1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp Ô, xã V, huyện V, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng C trình bày:

Bà C và ông C1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An ngày 09/9/2015. Sau ngày cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp Ô, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Bà C cho rằng thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên Nguyễn Lê A (nữ), sinh ngày 16/3/2015 hiện đang sống cùng bà

C. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống mỗi nơi không còn quan tâm đến nhau.

Nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông C1 được nữa nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C1, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến.

Kết quả xác minh của Tòa án: Về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tình trạng vợ chồng hiện tại như trình bày của bà C. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do ông C1 hay rượu chè, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, trước đây bà C đã gửi đơn ly hôn 01 lần nhưng đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nuôi con, tuy nhiên ông C1 vẫn không thay đổi. Về điều kiện nuôi con, bà C có 02 ha ruộng sản xuất, có thu nhập đủ điều kiện nuôi con. Ngoài ra, gia đình bà C cũng có hỗ trợ thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà C và ông C1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An ngày 09/9/2015 nên xác định là hôn nhân hợp pháp, đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà C đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà C và ông C1 hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà C vẫn kiên quyết ly hôn, ông C1 không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên căn cứ các điều 19, 51, 56 xét thấy hôn nhân giữa bà C và ông C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Hồng C.

Về con chung: Bà C và ông C1 có một con chung tên Nguyễn Lê A (nữ), sinh ngày 16/3/2015, bà C có yêu cầu được nuôi con chung. Nhận thấy con chung của bà C và ông C1 trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu ba mẹ ly hôn, đề nghị giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82,

83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng C về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Ô, xã V, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông C1 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An 09/9/2015 nên là hôn nhân hợp pháp, bà C yêu cầu giải quyết ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà C cho rằng giữa bà và ông C1 chỉ sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nên khả năng hàn gắn không còn. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng sau khi thụ lý vụ án cũng đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà C cương quyết ly hôn, bị đơn ông C1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không đến Tòa án trình bày ý kiến, bỏ mặc kết quả giải quyết.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông C1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà C.

[3] Về con chung: Bà C và ông C1 có 01 con chung tên Nguyễn Lê A (nữ), sinh ngày 16/3/2015 hiện đang sống cùng bà C. Bà C yêu cầu được nuôi con chung và cháu Nguyễn Lê A đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống chung với mẹ nếu ba mẹ ly hôn, ông C1 không thể hiện ý kiến, không có tranh chấp về con chung nên để con chung có cuộc sống ổn định, việc giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do bà C không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con và bà C trình bày bản thân có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con nên tạm thời Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, tại thời điểm giải quyết ly hôn cũng không có ai tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Hồng C về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Nguyễn Tấn C1.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng C được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C1.

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Lê A (nữ), sinh ngày 15/3/2015 cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (con chung đang sống cùng bà C).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002287 ngày 14/3/2025 sang tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh